

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HSST

Ngày: 20 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Quang Lực

2. Bà Trần Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lò Văn N; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 01/9/2001 tại tỉnh B;

Địa chỉ: Bản X, xã N, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 03/12 phổ thông; Con ông: Lò Văn L (Còn sống); Con bà: Lò Thị L (Còn sống); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 18/01/2020, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: Quàng Văn T; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 01/12/1998, tại tỉnh B

Địa chỉ: Bản X, xã N, thành phố Đ, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12 phổ thông; Con ông: Quàng Văn C (Còn sống); Con bà: Quàng

Thị K (Còn sống); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 18/01/2020, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Quảng Thị K; Địa chỉ: Bản X, xã N, thành phố Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 18/01/2020, tổ công tác công an xã N, thành phố Đ, tỉnh B làm nhiệm vụ tại khu vực bản H, xã N, thành phố Đ, tỉnh B phát hiện Quảng Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27F4 – 3328 chở Lò Văn N có biểu hiện phạm tội về ma túy. Khi bị tổ công tác áp sát kiểm tra, Quảng Văn T tự nguyện lấy từ túi quần phía trước bên trái đang mặc ra một gói nhỏ nilon màu trắng, bên trong có các cục chất bột thể rắn màu trắng đục giao nộp. T và N khai nhận: Đó là Heroine, N rủ và chở T đi mua của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ đứng ở đường tại bản L 1, xã Mường Phăng với giá 200.000đ. N là người đặt vấn đề mua và bỏ tiền ra mua Heroine, sau khi mua được N lấy ra một ít Heroine ra để cả hai cùng sử dụng. Số Heroine còn lại, N đưa cho T giấu vào túi quần mang về để cùng sử dụng. Trên đường về thì tổ công tác phát hiện, mời người chứng kiến, thu giữ toàn bộ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 18/01/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 130/GĐ-PC09 ngày 23/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,33 gam.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-TPĐBP ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lò Văn N và Quảng Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Văn N và Quảng Văn T đều về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 15 tháng đến 18 tháng tù; Bị cáo Quảng Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/ BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,29 gam Heroine (vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh nilon màu trắng.

Các bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lò Văn N, Quảng Văn T không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Vào hồi 13 giờ 45 phút ngày 18/01/2020. Tại khu vực bản H, xã N, thành phố Đ, Lò Văn N và Quảng Văn T có hành vi cất giấu trái phép 0,33 gam Heroine với mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 18/01/2020, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 18/01/2020, kết luận giám định số 130/GĐ-PC09 ngày 23/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,33 gam;

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo, với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, Lò Văn N, Quảng Văn T phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố các bị cáo Lò Văn N, Quảng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Các bị cáo là người nghiện ma túy, đều nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trong quá trình cùng nhau thực hiện tội phạm cả N và T không có sự phân công vai trò trách nhiệm cụ thể nên các bị cáo phạm tội không có tổ chức. Cả hai đều là người thực hiện tích cực, N là người chuẩn bị tiền, rủ T đi mua ma túy và N là người trực tiếp trao đổi mua ma túy, T là

người chuẩn bị phương tiện và cất dấu Heroine trên người, nên các bị cáo có vai trò ngang nhau. Với khối lượng mà túy mà các bị cáo tàng trữ là 0,33 gam Heroine thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Các bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của một người đàn ông dân tộc mông, nhưng không biết họ tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 bơm kim tiêm, 01 dao lam, 02 vỏ ống Novocain, 01 mảnh giấy bạc, 01 bật lửa ga, các bị cáo khai dùng để sử dụng ma túy, sau khi sử dụng xong, các bị cáo vứt lại chỗ đã sử dụng ma túy, nhưng không nhớ vị trí đã vứt, cơ quan công an không thu hồi được.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn N và Quàng Văn T, công an thành phố Đ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[6]. Vật chứng: 0,29 gam Heroine, (vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cất tàng trữ, 01 mảnh giấy màu trắng, 01 mảnh nilon màu trắng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu LONCIN Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát: 27F4 – 3328, xe có số khung NJ100 20059343, số máy: VTH152PMH5029471, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe là bà Quàng Thị K, Địa chỉ: Bản X, xã N, thành phố Đ, tỉnh B. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho bà K. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 136/BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Lò Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (18/01/2020).
- Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (18/01/2020).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/ BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,29 gam Heroine, (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 mảnh niL màu trắng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/4/2020 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B*).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Thị Thúy Thành